

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ GIA MẬP  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/HS-ST

Ngày: 11 – 9 – 2024

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Điều Thanh

2. Ông Ngô Văn Tám

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thuý Hoa – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 40/2024/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/ HSST-QĐ ngày 06 tháng 9 năm 2024 đối với:

1. *Họ và tên bị cáo:* Điều H, sinh năm 2004, nơi sinh: Bình Phước; HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; Dân tộc: X'Tiêng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Tin lành; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: làm nông; Họ và tên cha: Điều K; Họ và tên mẹ: Thị M; Bị cáo có 02 người em sinh năm 2006 và 2020, bị cáo là con lớn nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/10/2023 cho đến nay. (*bị cáo có mặt tại phiên tòa*);

*Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Đàm Văn Đ là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh B; địa chỉ trụ sở: đường T, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. (*có mặt*)

2. *Bị hại:* Ông Điều T, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước (*Hiện nay đã chết*);

*Người đại diện hợp pháp cho ông Điều T: Bà Điều Thị R, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Sơn Trung, xã Đức Hạnh, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước*

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Điều Thị Ngọc T1, sinh năm 2005; Địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước; *(có mặt)*

- Ông Hồ Minh H1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; *(vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/10/2023, Điều H điều khiển xe mô tô biển số xe 93H1-353.41 (có dung tích xi lanh 109,5cm<sup>3</sup>), Điều H không có giấy phép lái xe, chở theo Điều Thị Ngọc T1, sinh năm 2005 ngụ tại thôn T, xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước đi trên đường liên xã hướng từ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện B. Khi đi đến khu vực thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước thì H phát hiện Điều T đang điều khiển xe mô tô 49M5-0611 ngược chiều và đi trên làn đường đi của H, sau đó tiếp tục điều khiển xe ra khu vực giữa đường. Thấy vậy, H điều khiển xe sang bên trái để tránh thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 49M5-0611 do Điều T điều khiển làm hai xe ngã ra đường. Hậu quả T bị thương tích nặng phải đưa đi cấp cứu; còn Điều H và T1 bị thương nhẹ.

Sau khi tai nạn xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, dựng lại hiện trường, xác định:

Hiện trường xảy ra tai nạn là đường liên xã thuộc thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đường thẳng, đường hai chiều, mặt đường được trải nhựa bằng phẳng, mặt đường rộng 8,9m, có vạch sơn đứt quãng chia mặt đường làm hai chiều xe chạy riêng biệt, chiều đường bên phải theo hướng xã P đi xã Đ rộng 4,5m; chiều đường bên trái có lề đất rộng không đều, hướng xã P 1m, hướng xã Đ rộng 2m có chiều dài 43,50m, có hệ thống đèn chiếu sáng công cộng bên phải đường nhựa theo hướng đi từ xã P đi xã Đ, tầm nhìn không bị hạn chế.

Chiều đường từ xã P đi xã Đ không có biển báo hiệu (Khu vực phía trước và phía sau hiện trường).

- Chọn cột điện số 15 bên phải đường hướng từ xã P đi xã Đ làm điểm mốc;

- Chọn mép đường nhựa bên phải hướng từ xã P đi xã Đ làm mép đường chuẩn. Điểm mốc đo đến mép đường chuẩn là 6,5m;

Cơ quan điều tra đánh số thứ tự các dấu vết tại hiện trường để phục vụ công tác khám nghiệm hiện trường như sau: (1) là xe mô tô biển số 93H1-353.41; (2) là mảnh vỡ xe mô tô biển số 93H1-353.41; (3) là vết cày của xe mô tô 93H1-353.41; (4, 5) là vết cày của xe mô tô 49M5-0611; (6) là xe mô tô biển số 49M5-0611.

Cơ quan điều tra đánh dấu 02 điểm trên mặt đường nhựa bên trái và 01 điểm bên phải đường nhựa theo hướng đi từ xã P đến xã Đ theo lời khai của Điều H để phục vụ dựng lại hiện trường như sau: (7) là vị trí Điều H đang điều khiển xe mô tô 93H1-353.41 nhìn thấy xe mô tô biển số 49M5-0611 trước khi xảy ra va chạm; (08) là vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 chạy sang đường gần lối mòn vào nhà dân; (09) là vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 do Điều H nhìn thấy trước khi xảy ra va chạm.

- (1) Xe mô tô biển số 93H1-353.41, nằm bên phải đường, ngã sang trái, đầu xe hướng về xã Đ, chệch ra lòng đường, đuôi xe hướng về xã P, chệch vào mép chuẩn, từ đầu tâm trục bánh xe phía sau bên phải đến mép đường chuẩn là 1,07m. Từ đầu tâm trục bánh xe trước bên phải đo vào mép chuẩn là 1,5m và đo đến tâm mảnh vỡ xe mô tô biển số 93H1-353.41 (vị trí số 2) là 0,48m.

- (2) Mảnh vỡ xe mô tô biển số 93H1-353.41 nằm ở phần đường bên phải, mảnh vỡ có kích thước 20cm x 15cm, từ tâm mảnh vỡ đo vào mép chuẩn là 2,16m và đo đến đầu vết cày của xe mô tô biển số 93H1-353.41 (vị trí số 3) là 3,65m.

- (3) Vết cày của xe mô tô biển số 93H1-353.41, có chiều dài 0,2m, chiều rộng 0,01m, nằm bên phải đường, hướng từ xã Đ đi xã P, đầu vết cày đo vào mép đường chuẩn là 3,14 m, cuối vết cày đo đến mép chuẩn 3,13m và đo đến đầu vết cày của xe mô tô biển số 49M5-0611 (vị trí số 4) là: 1,13m.

- (4) Vết cày xe mô tô biển số 49M5-0611 nằm ở phần đường bên phải có kích thước 15cm x 2cm, có chiều hướng từ xã P đi xã Đ, đầu vết cày đo đến mép chuẩn là 3.40m, cuối vết cày đo đến mép chuẩn là 3,43 và đo đến đầu vết cày của xe mô tô biển số 49M5-0611 (vị trí số 5) là 0,50m.

- (5) Vết cày xe mô tô biển số 49M5-0611 nằm ở phần bên phải đường, vết cày có kích thước 23cm x 2,5cm có chiều hướng từ xã P đi xã Đ, đầu vết cày đo đến mép chuẩn là 3,23m, cuối vết cày đo đến mép chuẩn là 3,26m và đo đến tâm đầu trục bánh xe sau bên trái xe mô tô biển số 49M5-0611 (vị trí số 6) là 9,47m.

- (6) Xe mô tô biển số 49M5-0611 nằm bên phải đường, ngã sang trái, đầu hướng về bên lề trái đường, phần đuôi hướng về lề phải đường theo hướng từ xã P đi xã Đ, đầu tâm trục bánh xe phía sau bên phải đo đến mép đường chuẩn là 4,40m. Từ đầu tâm trục bánh xe trước bên phải đo vào mép đường chuẩn là 5,53m và đo đến vị trí Điều H nhìn thấy xe mô tô biển số 49M5-0611 (vị trí số 7) là 8,16m.

- (7) Vị trí Điều H điều khiển xe mô tô biển số 93H1-353.41 nhìn thấy xe đi ngược chiều: vị trí của H ở phần đường nhựa bên trái, từ tâm vị trí của H đo đến mép chuẩn là 7m, đo đến mép đường nhựa bên trái là 1,50m, đo đến điểm mốc là 16,42m và đo đến vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 tại thời điểm H nhìn thấy trước khi xảy ra va chạm (vị trí số 9) là 39m.

- (8) Vị trí lỗi mòn vào nhà dân ở phần đường nhựa bên trái, từ tâm vị trí lỗi mòn đo đến mép chuẩn là 7,70m, đo đến mép đường nhựa bên trái là 0,80m và đo đến tâm vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 tại thời điểm H nhìn thấy trước khi xảy ra va chạm (vị trí số 9) là 7,15m.

- (9) Vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 mà H nhìn thấy ở phần đường nhựa bên phải theo hướng đi từ xã P đi xã Đ, từ tâm vị trí xe mô tô biển số 49M5-0611 tại thời điểm Điều H nhìn thấy trước khi xảy ra va chạm đo đến mép chuẩn là 0,85m, đo đến mép đường nhựa bên trái là 7,65m và đo đến đầu tâm trục bánh xe phía sau bên phải xe mô tô biển số 93H1-353.41 (vị trí số 1) là 15,70m.

*Về vật chứng thu giữ:* Qua khám nghiệm hiện trường, Cơ quan điều tra thu giữ xe mô tô biển số 93H1-353.41 và xe mô tô biển số 49M5-0611 để phục vụ công tác điều tra.

Theo kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 419 ngày 05/12/2023 của Trung tâm pháp y- Sở y tế tỉnh B kết luận thương tích của Điều T như sau: “Lún xương sọ vùng đỉnh trái đường kính 02cm. Liệt hoàn toàn 1/2 người bên trái, tiêu tiểu không tự chủ. Sẹo thái dương trái kích thước (3,5 x1) cm rúm. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Điều T tại thời điểm giám định là 88%”.

Theo bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 53 ngày 20/02/2024 của Trung tâm pháp y - Sở y tế tỉnh B kết luận: “Tỷ lệ tổn thương cơ thể của Điều Thị Ngọc T1 tại thời điểm giám định là 06%”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Điều Tranh yêu cầu bị cáo Điều H bồi thường số tiền 32.000.000 đồng (Ba mươi hai triệu đồng); bị cáo H đã bồi thường số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Tại bản Cáo trạng số 42/Ctr-VKSBGM ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Điều H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự;

Đối với Điều Thị Ngọc T1 hằng ngày vẫn thấy Điều H điều khiển xe mô tô của gia đình đi công việc và H đã trên 18 tuổi, nên T1 cho rằng H đã đủ điều kiện để điều khiển xe mô tô hai bánh. Khi H cầm lái, điều khiển xe mô tô (xe của T1) chở T1 đi chơi thì T1 không có ý kiến gì. Do đó, hành vi của T1 không cấu thành tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Ngoài ra, sau khi tai nạn xảy ra T1 bị thương tích 6%, nhưng T1 không yêu cầu xử lý và cũng không yêu cầu bồi thường dân sự nên không xem xét, giải quyết.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phát biểu quan điểm luận tội giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Điều H và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử bị cáo Điều H về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 50, 55, 65 của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Điều H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù cho hưởng án treo.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo Điều H cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 20.000.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Theo quy định của pháp luật.

*Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Điều H:*

*Người đại diện hợp pháp của bị hại trình bày tại phiên tòa:* Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, nhân thân tốt; bị cáo đã bồi thường khắc phục hậu quả, người bị hại có một phần lỗi do đã sử dụng rượu bia; người đại diện hợp pháp bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Nên đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và xin hội đồng xét xử cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có được cơ hội làm người có ích cho xã hội và cho bị cáo mức hình phạt 2 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo.

*Bị cáo nói lời sau cùng:* Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

**NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản dựng lại hiện trường Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên tham gia quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và Điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 14/10/2023, bị cáo Điều H, sinh năm 2004 không có giấy phép lái xe theo quy định của pháp luật, điều khiển xe mô tô biển số xe 93H1-353.41 đi theo hướng từ Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B đến Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước chở Điều Thị Ngọc T1, khi đi đến khu vực thôn S, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước đã gây tai nạn với xe mô tô 49M5-0611 do Điều T điều khiển theo hướng ngược. Hậu quả Điều Tranh bị tổn thương cơ thể là 88%. Nguyên nhân gây tai nạn giao thông là do bị cáo không quan sát đường đi mà trong quá trình lái xe đã quay đầu nói chuyện với bạn, khi quan sát thấy xe phía trước đi ngược chiều không đúng quy định lại quá gần với xe của bị cáo nên bị cáo không xử lý kịp thời; bị cáo đã không xử lý xe đi về phần đường của mình mà đã đi sai làn đường qua làn đường của xe đi ngược chiều, dẫn đến tai nạn giao thông; bị cáo không có giấy phép lái xe theo quy định. Như vậy, bị cáo đã vi phạm quy định tại điều khoản 9 Điều 8 và khoản 1 Điều 9, Điều 13 và Điều 17 của luật giao thông đường bộ năm 2008, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Điều H thực hiện đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” với tình tiết định khung “Không có giấy phép lái xe theo quy định”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Điều H về tội danh “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[3]. Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo Điều H là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây thiệt hại đến sức khỏe, tính mạng của người khác. Bị cáo H đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi vô ý. Do đó,

cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi mà bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự;
- Về tình tiết tăng nặng: Không có

- Về tính tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; sau khi tai nạn xảy ra, bị cáo đã tích cực cùng người xung quanh đưa bị hại đi cấp cứu; trong quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã khắc phục hậu quả và được gia đình bị hại bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt; người bị hại có một phần lỗi do đã sử dụng rượu bia; bị cáo là người dân tộc thiểu số, có hoàn cảnh gia đình khó khăn Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, cần xem xét áp dụng cho bị cáo.

Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc phạm tội của bị cáo là do lỗi vô ý nên không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị hại và gia đình bị hại yêu cầu bồi thường số tiền 32.000.000 đồng; Đến nay bị cáo đã bồi thường xong; Đồng thời quá trình giải quyết vụ án, bị cáo trình bày và nộp cho Tòa án tài liệu là “Giấy thỏa thuận hậu sự mai táng” ngày 26/8/2024 và “Giấy chôn cất tiền lo hậu sự mai táng” ngày 26/8/2024 đối với bị hại Điều T; Người đại diện hợp pháp của bị hại Điều Tranh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết về bồi thường thiệt hại, nhưng tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường thêm cho người đại diện hợp pháp của người bị hại số tiền 20.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bị cáo và người đại diện hợp pháp cho người bị hại cũng đồng ý. Nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường này của bị cáo.

[6]. Đối với Điều Thị Ngọc T1: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, T1 xác nhận hằng ngày thấy Điều H điều khiển xe mô tô của gia đình đi công việc và H đã trên 18 tuổi, nên T1 cho rằng H đã đủ điều kiện để điều khiển xe mô tô hai bánh, T1 không biết việc Điều H không có giấy phép lái xe moto. Khi H cầm lái, điều khiển xe mô tô (xe của T1) chở T1 đi chơi thì T1 không có ý kiến gì. Như vậy, hành vi của T1 không đủ yếu tố cấu thành tội Giao cho người không đủ điều kiện điều khiển phương tiện giao thông đường bộ. Ngoài ra, sau khi tai nạn xảy ra T1 bị thương tích 6%, nhưng T1 không yêu cầu xử lý và cũng không yêu cầu bồi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo về tội danh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với xe mô tô biển số 93H1-353.41, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu hợp pháp của Điều Thị Ngọc T1, T1 không biết việc Điều H chưa có giấy phép lái xe nên giao xe cho H điều khiển. Do vậy, cần trả lại cho Điều Thị Ngọc T1.

Đối với xe mô tô, biển số 49M5-0611 là của ông Hồ Minh H1 mua lại của ông Nguyễn Thiện B để làm phương tiện đi lại. Ngày 14/10/2023, H1 cho Điều T mượn để đi thì xảy ra tai nạn. Quá trình điều tra xác định Điều T sử dụng xe của Hồ Minh H1 ngụ tại thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước rồi xảy ra tai nạn. Xe do H1 mua lại của 01 người không xác định được nhân thân, lai lịch với số tiền 4.000.000 đồng, tuy nhiên không có giấy tờ chứng minh chủ sở hữu. Tại phiên tòa, Hồ Minh H1 vắng mặt, tuy nhiên tại biên bản ghi lời khai ngày 31/5/2024 (bút lục 128) ông H1 có yêu cầu được nhận lại xe để làm phương tiện đi lại, không yêu cầu Điều T phải sửa chữa chiếc xe. Do đó, cần chấp nhận trả lại xe cho Hồ Minh H1.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Điều H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH;**

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Điều H phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”;

2. Về căn cứ áp dụng pháp luật và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 50, 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Điều H 03 (Ba) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án 11/9/2024

Giao bị cáo Điều H cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc

người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo Điều H và bà Điều Thị R về phần bồi thường thiệt hại, bị cáo có nghĩa vụ bồi thường cho bà Điều Thị R số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Điều H phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Công an huyện Bù Gia Mập;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã Phú Văn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết**